TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2024/HS-ST
Ngày 06 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tố Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn L, sinh năm 1990 tại Campuchia; thường trú: Tổ A, khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ; tạm trú: Tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị S1, sinh năm 1961 (đã chết); có vợ tên là Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Võ Minh T (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Võ Kim T1, sinh năm 1968; thường trú: Số C đường số F, Khu phố E,

phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1973; thường trú: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1963; thường trú: Tổ A, khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ; chỗ ở: Tổ B khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đ, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trần Mỹ T2, sinh năm 1965; thường trú: Tổ B, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K, vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Hứa Văn Đ, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 21/8/2023, Võ Văn L điều khiển xe ô tô tải biển số 60C - 298.35 đi từ số nhà B khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đ để đi lấy cá ở chợ đầu mối B. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi đang lưu thông đến đoạn đường thuộc khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh B nơi có dải phân cách giữa đường đứt khoảng và giao với đường L, Lắm điều khiển xe vượt quá tốc độ nên đã phần đầu xe ô tô tải đụng vào phần bên phải xe mô tô biển số 68S2 – 1243 do anh Võ Minh T điều khiển đang lưu thông trên đường Quốc lộ 1K theo hướng ngược lại, đang rẽ trái băng qua đường. Sau đó, anh T được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B.

- Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/8/2023 và Biên bản dựng lại hiện trường ngày 06/10/2023 thể hiện: "*1. Hiện trường chung: Hiện trường xảy ra tai nạn giao thông là trên đường Quốc lộ 1K mặt đường được rải nhựa bằng phẳng, có dải phân cách cố định phân chia hai phần đường xe chạy, mỗi phần đường phân chia ba làn đường xe chạy, phần đường hướng ngã 4 B đi ngã 3 Cây Lơn mặt đường phân chia 3 làn đường, làn đường xe hai bánh rộng 2m90, làn đường hỗn hợp rộng 3m40 và làn đường xe ô tô rộng 3m90. Đoạn dài phân cách mở giữa ngã ba rộng 25m40.*

2. Ghi nhận quá trình khám nghiệm (ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên, điểm mốc, mép đường hoặc vật chuẩn trên bờ, dưới nước nơi xảy ra vụ án, vụ việc để mô tả tỷ mỉ hiện trường, vị trí nạn nhân, dấu vết, tang vật, phương tiện

tại hiện trường):

Hiện trường các dấu vết và phương tiện được dựng lại thông qua kết quả khám nghiệm ban đầu của Đ1 Công an thành phố D và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh cùng với lời khai của những người liên quan.

** Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí các dấu vết, tang vật, phương tiện:*

Chiếc xe ô tô tải biển số 60C – 298.35 (ký hiệu 1 trên sơ đồ hiện trường); Chiếc xe mô tô biển số 68S2 – 1243 (ký hiệu 2 trên sơ đồ hiện trường); Vết cày xe mô tô biển số 68S2 – 1243 (ký hiệu 3 - 4 trên sơ đồ hiện trường); Vết máu nạn nhân (ký hiệu 5 trên sơ đồ hiện trường); Vết mũ của hai xe bể rơi trên mặt đường (ký hiệu 6 trên sơ đồ hiện trường); Dải phân cách bê tông (ký hiệu 7 trên sơ đồ hiện trường); Trụ đèn chiếu sáng số D (ký hiệu 8 trên sơ đồ hiện trường); Trụ đèn vàng nhấp nháy (ký hiệu 9 trên sơ đồ hiện trường).

** Lấy mép đường bên phải đường Q theo hướng từ ngã 4 B đi ngã 3 Cây Lơn làm mép chuẩn và trụ đèn chiếu sáng số 45/1 (ký hiệu 8 trên sơ đồ hiện trường) làm điểm mốc.*

** Quá trình khám nghiệm:*

- Chiếc xe ô tô tải biển số 60C - 298.35 (ký hiệu 1 trên sơ đồ hiện trường) sau tai nạn xe dừng, đầu xe quay về hướng ngã 3 C, trục bánh trước bên phải cách mép chuẩn là 0m70, trục bánh sau bên phải cách mép chuẩn là 0m75.

- Chiếc xe mô tô biển số 68S2 – 1243 (ký hiệu 2 trên sơ đồ hiện trường) sau tai nạn xe ngã nghiêng bên hông trái, đầu xe quay về hướng ngã 4 B, trục bánh trước cách mép chuẩn là 1m75, trục bánh sau cách mép chuẩn là 1m80, xe ngã để lại hai vết cây trên mặt đường; Vết cày (ký hiệu 3 trên sơ đồ hiện trường) dài 45m00, đầu vết cày cách mép chuẩn là 5m60 và cách đầu dải phân cách mở giữa đường là 5m20; Vết cày (ký hiệu 4 trên sơ đồ hiện trường) dài 18m50, đầu vết cày cách mép chuẩn là 5m00 và cách đầu vết cây ký hiệu 3 là 0m70, cuối vết cây cách mép chuẩn là 2m00.

- Hiện trường còn để lại vết máu nạn nhân (ký hiệu 5 trên sơ đồ hiện trường) cách mép chuẩn là 0m60 và cách trục bánh sau bên phải xe ô tô tải biển số 60C - 298.35 là 11m20.

- Vết mũ của hai xe bể rơi trên mặt đường (ký hiệu 6 trên sơ đồ hiện trường) kích thước là 26m00x8m00, tâm vết mũ bể cách mép chuẩn là 4m10 và cách vết máu nạn nhân là 6m70.".

- Tại Kết luận giám định số 644/KL-KTHS(KTS) ngày 08/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận tốc độ xe ô tô tải như sau: *"Vận tốc xe ô tô tải trước lúc*

xảy ra tai nạn (ứng với thời gian hiển thị trên Video 08-21-2023 20:53:19) là từ 61,47km/h đến 76,83km/h.”.

- Tại Kết luận giám định số 362/KL-KTHS(CH) ngày 06/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận dấu vết va chạm, cơ chế hình thành dấu vết, như sau:

“*1. Dấu vết va chạm giữa hai phương tiện là:*

- Dấu vết trượt xước sơn màu trắng, bám dính chất màu xanh tím (dạng sơn) ở đầu bên trái cản trước, vỡ khuyết ốp nhựa đèn chiếu sáng trước bên trái xe ô tô tải biển số 60C-298.35, có chiều từ trước về sau, từ trái qua phải (ảnh 3,5) phù hợp với dấu vết trượt xước sơn màu xanh tím, vỡ khuyết ốp nhựa ở bên phải đuôi, thân xe mô tô biển số 68S2 - 1243, có chiều từ sau về trước, từ phải qua trái (ảnh 4,6).

- Dấu vết trượt xước sơn màu trắng, bám dính chất màu xanh (dạng sơn) ở bên phải cản trước xe ô tô tải biển số 60C-298.35, có chiều từ trước về sau, từ trái qua phải (ảnh 7) phù hợp với dấu vết dấu vết trượt xước sơn màu xanh, vỡ khuyết ốp nhựa bửng chắn chắn gió bên phải xe mô tô biển số 68S2 - 1243, có chiều từ sau về trước, từ phải qua trái (ảnh 8).

2. Cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa hai phương tiện là: Phần phía trước đầu xe ô tô tải biển số 60C-298.35 va chạm vào phần bên phải xe mô tô biển số 68S2 - 1243 (như mục 1 phần V), tạo ra dấu vết trên hai phương tiện.

3. Vị trí va chạm đầu tiên chiếu xuống mặt đường giữa hai phương tiện là: Khu vực phía trước đầu vết cày số (3) trên sơ đồ hiện trường, thuộc phần đường bên phải của đường Quốc lộ 1K theo hướng đi từ ngã tư B đến ngã ba C. Không xác định được làn đường khi xảy ra va chạm.”.

- Tại Kết luận giám định số 38/KL-KTHS(SCKT) ngày 11/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận hệ thống phanh, lái của xe ô tô tải biển số 60C-298.35, như sau:

“Tại thời điểm giám định xe ô tô tải mang biển kiểm soát 60C-298.35 xác định:

- Hệ thống lái: Có các cụm chi tiết đầy đủ, lắp đúng vị trí, không phát hiện dấu vết hư hỏng do sự cố kỹ thuật.

- Hệ thống phanh: Có các cụm chi tiết đầy đủ, lắp đúng vị trí, không phát hiện dấu vết hư hỏng do sự cố kỹ thuật.”.

- Tại Kết luận giám định số 413/KL-KTHS(SKSM) ngày 10/01/2024 của Phòng K1 (PC09) Công an tỉnh B, kết luận: “*Xe mô tô hai bánh (Kiểu dáng W), nhãn hiệu: Ware, đề dung tích xi lanh: 108cm^3, số loại: 110BSLD, mang biển kiểm soát 68S2 – 1243, có số khung, số máy không đổi. Số khung: RPSWCH1PS5X000565; Số máy: RPS152FMH-A00000565*”.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KLĐG- HĐĐGTS ngày 29/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: *"Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Wave, số loại: C110, biển số 68S2-1243, số khung: RPSWCH1PS5X000565, số máy: RPS152FMH-A00000565, có giá trị là 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng"*.

- Tiến hành xác minh hệ thống biển báo hiệu giao thông ngày 12/9/2023, thể hiện:

"+ Bên lề phải đường Quốc lộ 1K theo hướng ngã ba C đi ngã tư B, trước khi vào giao lộ có gắn biển báo hiệu giao nhau với đường không ưu tiên và biển báo đường cắt ngang dành cho người đi bộ.

+ Bên lề phải đường Quốc lộ 1K theo hướng ngã tư B đi ngã ba C, trước khi vào giao lộ có gắn biển báo hiệu giao nhau với đường không ưu tiên và biển báo đường cắt ngang dành cho người đi bộ.

+ Bên lề phải đường Quốc lộ 1K theo hướng ngã tư B đi ngã ba C, đoạn qua khu phố N, phường B và khu phố Đ, phường Đ có gắn biển báo hiệu đoạn đường trong khu dân cư".

- Tại Kết luận giám định tử thi số 671/KLGĐTT-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Võ Minh T, như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương sọ não: Xuất huyết dưới nhện thuỳ thái dương trái.

- Chấn thương ngực: Gãy nhiều xương sườn, dập tụ máu nhu mô phổi; tràn máu khoang màng phổi.

- Chấn thương bụng: Vỡ gan, thận phải; dập tụ máu mạc treo, dạ dày; chảy máu trong ổ bụng.

2. Nguyên nhân chết: Đa chấn thương./.".

- Tại Phiếu xét nghiệm sinh hoá máu của nạn nhân Võ Minh T ngày 21/8/2023 của Trung tâm y tế thành phố D thể hiện là 30,82 mmol/l.

- Tại Phiếu xét nghiệm sinh hoá máu của Võ Văn L ngày 21/8/2023 của Trung tâm y tế thành phố D thể hiện là 8,63 mmol/l.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/8/2023, Biên bản dựng lại hiện trường ngày 06/10/2023, Kết luận giám định số 644/KL-KTHS(KTS) ngày 08/11/2023, Kết luận giám định số 362/KL-KTHS(CH) ngày 06/10/2023, Kết luận giám định số 362/KL-KTHS(CH) ngày

06/10/2023, Kết luận giám định số 38/KL-KTHS(SCKT) ngày 11/9/2023, Kết luận giám định số 413/KL-KTHS(SKSM) ngày 10/01/2024, Kết luận định giá tài sản số 26/KLĐG- HĐĐGTS ngày 29/02/2024 và Kết luận giám định tử thi số 671/KLGĐTT-KTHS ngày 28/8/2023.

Cáo trạng số 150/CT-VKS-DA ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Võ Văn L về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Văn L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 xe mô tô biển số 68S2 - 1243, nhãn hiệu Ware số khung: RPSWCH1PS5X000565, số máy: RPS152FMH-A00000565 thu giữ trong vụ án. Quá trình điều tra xác định xe có số khung RPSWCH1PS5X000565, số máy: RPS152FMH-A00000565 có biển số xe là 60T4-4603 là của anh Trần Đăng K đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an thị trấn D, huyện T, tỉnh Đ xác định không có nhân khẩu tên Trần Đăng K sinh sống trên địa bàn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã đăng báo theo quy định nhưng không có ai đến nhận. Mặt khác, 01 biển số xe 6882 – 1243 thu được là biển số của xe mô tô có số khung 152FMH00474295, số máy XN3A2Y1B27795. Quá trình tố tụng xác định biển số này là của bà Trần Mỹ T2. Bà T2 xác định vào năm 2013, gia đình bà T2 đã bán cho người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D chuyển xe và biển số thu được cho Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố D tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

- 01 xe ô tô tải biển số 60C-298.35 là của bà Nguyễn Thị U đứng tên chủ sỡ hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả xe cho bà U.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Văn L đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Võ Minh T số tiền là 100.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị U chủ xe ô tô tải biển số 60C - 298.35 tự nguyện hỗ trợ bị cáo L bồi thường thêm cho gia đình nạn nhân 120.000.000 đồng, tổng cộng 220.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với số tiền bà U

hỗ trợ bị cáo L bồi thường cho gia đình bị hại, bà U cũng không yêu cầu bị cáo L phải trả lại cho bà. Do đó, trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

- Bị hại Võ Minh T điều khiển xe mô tô biển số 68S2 - 1243 đã vi phạm vào khoản 2 Điều 15 và khoản 8, khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ. Tuy nhiên lỗi vi phạm của anh T không phải là nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn giao thông. Sau tai nạn anh T bị thương được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự. Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Mỹ T2 vắng mặt nhưng quá trình điều tra đã cung cấp lời khai và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị U có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/8/2023, Biên bản dựng lại hiện trưởng ngày 06/10/2023, Kết luận giám định số 644/KL-KTHS(KTS) ngày 08/11/2023, Kết luận giám định số 362/KL-KTHS(CH) ngày 06/10/2023, Kết luận giám định số 362/KL-KTHS(CH) ngày 06/10/2023, Kết luận giám định số 38/KL-KTHS(SCKT) ngày

11/9/2023, Kết luận giám định số 413/KL-KTHS(SKSM) ngày 10/01/2024, Kết luận định giá tài sản số 26/KLĐG- HĐĐGTS ngày 29/02/2024, Kết luận giám định tử thi số 671/KLGĐTT-KTHS ngày 28/8/2023 và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 21/8/2023, tại đoạn đường Q thuộc khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, Võ Văn L không chấp hành chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, không tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường nên đã điều khiển xe ô tô tải biển số 60C – 298.35 vượt quá tốc độ quy định cho phép tại đoạn đường có biển báo nguy hiểm (biển báo giao nhau với đường không ưu tiên) và khu vực đông dân cư (biển báo hiệu đoạn đường trong khu dân cư) dẫn đến phần đầu xe ô tô tải đụng vào phần bên phải xe mô tô biển số 68S2 – 1243 do anh Võ Minh T đang rẽ trái băng qua đường theo hướng ngược lại. Sau đó, anh T được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B.

Tại Kết luận giám định tử thi số 671/KLGĐTT-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Võ Minh T kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Võ Minh T, như sau:

"*1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

- Chấn thương sọ não: Xuất huyết dưới nhện thuỳ thái dương trái.

- Chấn thương ngực: Gãy nhiều xương sườn, dập tụ máu nhu mô phổi; tràn máu khoang màng phổi.

- Chấn thương bụng: Vỡ gan, thận phải; dập tụ máu mạc treo, dạ dày; chảy máu trong ổ bụng.

2. Nguyên nhân chết: Đa chấn thương./.".

Như vậy, hành vi điều khiển xe ô tô tải biển số 60C – 298.35 vượt quá tốc độ quy định cho phép tại đoạn đường có biển báo nguy hiểm (biển báo giao nhau với đường không ưu tiên) và khu vực đông dân cư (biển báo hiệu đoạn đường trong khu dân cư) của bị cáo L gây tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả bị hại tử vong vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, Cáo trạng số 150/CT-VKS-DA ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Võ Văn L về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là lỗi vô ý nhưng nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và tính mạng con người được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm hình phạt cho bị cáo. Bị hại cũng có lỗi khi tham gia giao thông thể hiện ở việc bị hại không có giấy phép lái xe, lưu thông chuyển hướng rẽ trái qua đường không nhường đường cho xe đi ngược chiều khi tham gia giao thông và trong máu có nồng độ cồn vượt quá quy định. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, bị cáo còn có con nhỏ nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xét bị cáo mặc dù phạm tội nghiêm trọng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, lần phạm tội này là lỗi vô ý trong việc chấp hành chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, không tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường khi điều khiển xe ô tô tải biển số 60C – 298.35 tham gia giao thông đường bộ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ- HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng không ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh tội phạm tại địa phương, đồng thời cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo nên cần hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 30/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 "*Người phạm tội còn có thể cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*". Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe,

giáo dục bị cáo đồng thời bị cáo là hiện nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 68S2 - 1243, nhãn hiệu Ware số khung: RPSWCH1PS5X000565, số máy: RPS152FMH-A00000565 thu giữ trong vụ án. Quá trình điều tra xác định xe có số khung RPSWCH1PS5X000565, số máy: RPS152FMH-A00000565 có biển số xe là 60T4-4603 là của anh Trần Đăng K đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an thị trấn D, huyện T, tỉnh Đ xác định không có nhân khẩu tên Trần Đăng K sinh sống trên địa bàn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã đăng báo theo quy định nhưng không có ai đến nhận. Mặt khác, 01 biển số xe 6882 – 1243 thu được là biển số của xe mô tô có số khung 152FMH00474295, số máy XN3A2Y1B27795. Quá trình tố tụng xác định biển số này là của bà Trần Mỹ T2. Bà T2 xác định vào năm 2013, gia đình bà T2 đã bán cho người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D chuyển xe và biển số thu được cho Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố D tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau là đúng quy định.

- 01 xe ô tô tải biển số 60C-298.35 là của bà Nguyễn Thị U đứng tên chủ sỡ hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả xe cho bà Ú là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với giấy phép lái xe hạng C tên Võ Văn L: Do Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên cần trả lại giấy phép lái xe hạng C số 740131018070 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 22/5/2023 cho bị cáo Võ Văn L.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Văn L đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Võ Minh T số tiền là 100.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị U chủ xe ô tô tải biển số 60C - 298.35 tự nguyện hỗ trợ bị cáo L bồi thường thêm cho gia đình nạn nhân 120.000.000 đồng, tổng cộng 220.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với số tiền bà Ú hỗ trợ bị cáo L bồi thường cho gia đình bị hại, bà Ú cũng không yêu cầu bị cáo L phải trả lại cho bà. Do đó, trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Bị hại Võ Minh T điều khiển xe mô tô biển số 68S2 - 1243 đã vi phạm vào khoản 2 Điều 15 và khoản 8, khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 (sửa đổi năm 2018, năm 2019). Tuy nhiên lỗi vi phạm của anh T không phải là nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn giao thông. Sau tai nạn anh T bị thương được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn L phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2022/NĐ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Võ Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân phường H, thành phố B, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Võ Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 30/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Võ Văn L 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 740131018070 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 22/5/2023 cho bị cáo Võ Văn L.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Võ Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật/.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- VKSND thành phố Dĩ An (01)**;**
- Công an thành phố Dĩ An (01)**;**
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (02);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Mai